

Số /XN-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

BẢN XÁC NHẬN

Khối lượng cát nhiễm mặn thu hồi trong quá trình nạo vét vũng quay trở, luồng nhánh và neo đậu tàu phục vụ cho Cảng tổng hợp Long Sơn.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Công nghiệp Long Sơn tại Bản đăng ký thu hồi cát nhiễm mặn trong quá trình nạo vét vũng quay trở, luồng nhánh và neo đậu tàu phục vụ cho Cảng tổng hợp Long Sơn tại Khu kinh tế Nghi Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1525/TTr-STNMT ngày 14/11/2023.

XÁC NHẬN:

1. Khu vực thu hồi cát nhiễm mặn có diện tích 277.330 m², thuộc xã Hải Hà và phường Hải Thượng, thị xã Nghi Sơn (xã Hải Hà 178.206 m², phường Hải Thượng 99.124 m²), được giới hạn bởi các điểm khếp góc có tọa độ xác định tại phụ lục kèm theo.

2. Khối lượng được phép thu hồi: 1.944.274 m³.

3. Mức sâu thu hồi thấp nhất: đến - 12,5 m đối với khu vực vùng nước trước bến và luồng; đến - 10,7 m đối với khu vực quay trở tàu trước cảng.

4. Kế hoạch thu hồi: Thực hiện theo hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công được Cục Quản lý xây dựng - Bộ Giao thông vận tải thẩm định tại Văn bản số 1880/CQLXD-HHĐT ngày 11/9/2019, số 369/CQLXD-DADT2 ngày 25/02/2021 và các quy định có liên quan.

5. Thiết bị thu hồi: Có bảng danh mục kèm theo.

6. Thời gian thu hồi đến ngày 31/10/2024 (bằng thời gian theo Quyết định số 986/QĐ-CVHHTH ngày 24/8/2023 của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa về việc điều chỉnh Phương án bảo đảm an toàn giao thông thi công nạo vét khu nước trước bến, vũng quay tàu và luồng nhánh phục vụ Cảng tổng hợp Long Sơn).

7. Công ty TNHH Công nghiệp Long Sơn có trách nhiệm:

- Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các nghĩa vụ tài chính liên quan đối với khối lượng khoáng sản đăng ký thu hồi theo quy định.

- Thu hồi khoáng sản theo đúng khối lượng, công suất, kế hoạch, phương pháp nêu trên đảm bảo theo quy định; có kế hoạch cụ thể gửi các cơ quan chức năng để thực hiện công tác theo dõi, giám sát, nghiệm thu trong quá trình thực hiện đảm bảo theo quy định.

- Chịu sự kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm (nếu có) của các cơ quan chức năng có liên quan theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra các vi phạm trong quá trình thực hiện phương án nêu trên.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khối lượng cát nhiễm mặn đăng ký thu hồi nêu trên, trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở để Công ty TNHH Công nghiệp Long Sơn nộp tiền theo quy định.

9. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, Cục Thuế tỉnh, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa, UBND thị xã Nghi Sơn và các đơn vị liên quan căn cứ quy định pháp luật, chức năng, nhiệm vụ được giao, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu quá trình thực hiện của Công ty TNHH Công nghiệp Long Sơn đảm bảo theo hồ sơ thiết kế, phương án được duyệt; chấp hành đầy đủ các quy định về an ninh trật tự, an toàn giao thông, an toàn hàng hải, đất đai, xây dựng, nuôi trồng thủy sản, vệ sinh môi

trường, cảnh quan; quản lý chặt chẽ trong quá trình thực hiện khối lượng cát nhiễm mặn nêu trên, đảm bảo đúng mục đích, tránh lợi dụng để khai thác khoáng sản trái phép; trường hợp có dấu hiệu về hành vi vi phạm phải yêu cầu dừng ngay để khắc phục kịp thời và xử lý theo quy định của pháp luật; thi công theo đúng vị trí, hồ sơ thiết kế, phương án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Tổng Cục ĐC&KS (để b/c);
- Các Sở: TNMT, GTVT, XD, NN&PTNT;
- Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN;
- Cục Thuế tỉnh;
- Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa;
- UBND thị xã Nghi Sơn;
- Công ty TNHH Công nghiệp Long Sơn;
- UBND: phường Hải Thượng và xã Hải Hà thị xã Nghi Sơn;
- Lưu VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Phụ lục

**TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐĂNG KÝ THU HỒI CÁT NHIỆM MẶN
TRONG QUÁ TRÌNH NẠO VẾT VỮNG QUAY TRỞ, LUỒNG NHÁNH
VÀ NEO ĐẬU TÀU PHỤC VỤ CHO CẢNG TỔNG HỢP LONG SƠN,
THỊ XÃ NGHI SƠN**

(Phụ lục kèm theo Bản xác nhận số /XN-UBND ngày tháng
năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0		Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
B7	2.136.979,990	585.535,290	VN9.10-4	2.137.814,234	585.045,588
B8	2.137.222,991	585.476,548	QTLSB7	2.137.021,447	585.422,391
B9	2.137.465,992	585.417,806	QTLS2	2.137.681,685	585.154,758
B10	2.137.708,992	585.359,064	C1	2.137.199,491	585.379,349
B11	2.137.881,067	585.317,464	T2	2.137.191,173	585.344,923
B7	2.136.979,990	585.535,290	LTLS3	2137061.521	585.342,982
B8	2.137.222,991	585.476,548	C2	2.136.991,630	585.341,752
B9	2.137.465,992	585.417,806	C3	2.136.802,972	585.375,298
B10	2.137.708,992	585.359,064	C4	2.136.617,618	585.367,986
B11	2.137.881,067	585.317,464	TL2	2.136.590,784	585.397,390
TLLS1	2.136.724,612	585.569,419	T1	2.136.600,091	585.427,327
TLLS2	2.136.666,897	585.495,229	L06	2.136.943,686	585.441,186
TLLS3	2.136.666,897	585.495,229	PT1	2.136.646,575	585.449,219
TLLS4	2.137.220,710	585.281,570	PT2	2.136.801,600	585.355,228
VN9.10-5	2.137.484,805	585.217,793	PT3	2.137.022,479	585.322,395
LS03	2.137.856,955	585.220,416	PT4	2.136.929,754	585.460,642
LS06*	2.136.958,370	585.479,240	P4	2.137.214,738	585.262,432
VN9.10-1	2.137.440,421	585.319,657	P5	2.137.470,480	585.200,678
VN9.10-2	2.137.570,081	585.022,287	P6	2.137.627,553	584.987,560
VN9.10-3	2.137.697,333	585.990,998	P7	2.137.831,386	585.031,524
Diện tích: 277.330 m², trong đó: xã Hải Hà 178.206 m², phường Hải Thượng 99.124 m²					

DANH MỤC THIẾT BỊ SỬ DỤNG NẠO VÉT THU HỒI CÁT

(Kèm theo Bản xác nhận số /XN-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng
1	Tàu hút cát dung tích từ 100-120 m ³ /h	Chiếc	05
2	Tàu hút cát dung tích từ 160-180 m ³ /h	Chiếc	03
3	Máy xúc PC350-8M0 dung tích gàu 0,52-2,3m ³	Chiếc	04
4	Xe ben Howo thể tích thùng 18-22m ³	Chiếc	12
5	Máy toàn đạc	Chiếc	01
6	Máy thủy bình	Chiếc	02
7	Máy đo sâu ODOM-MKIII-P	Chiếc	01